

Bản án số: 39/2022/DS - ST.

Ngày: 08- 9 - 2022.

V/v “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Điệp.

2. Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST - DS, ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST - DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T; Sinh năm: 1948; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.2. Bà Trần Phương L, sinh năm 1986; địa Chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.3. Bà Quách Thị Ngọc Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967; địa Chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.5. Ông Trần Văn N, sinh năm 1960; địa Chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.6. Bà Huỳnh Tuyết H, sinh năm 1977; địa Chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 29/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào ngày 25/11/2018 âm lịch bà Huỳnh Thị M làm chủ hội mở một dây hội giá 1.000.000 đồng, gồm có 40 phần hội, 01 tháng mở hội 01 lần vào ngày 25, hội có lãi và mỗi kỳ mở hội bà M được hưởng hoa hồng là 500.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HỘI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 25 tháng 11 năm 2018” giao cho hội viên, bà T đóng được 34 lần (từ ngày 25/11/2018 đến 25/8/2021) với số tiền 34.000.000 đồng, trừ đầu thảo 500.000 đồng còn 33.500.000 đồng thì bà M không cho bà T hốt hội vì cho rằng con bà T là ông Trần Quốc T hốt dùm bà T, bà T không biết việc hốt hội này và cũng không có kêu ông T hốt dùm bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M không thừa nhận lần thứ 21 đến lần thứ 34 đã lại nhà bà T gom hội sống của bà T nên bà T yêu cầu bà M phải trả cho bà T phần hội đã đóng.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu bà M hoàn trả số tiền hội là 20.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà M thống nhất xác định bà M làm chủ hội, bà Trần Thị T là hội viên có tham gia một phần hội mở ngày 25/11/2018 âm lịch, 01 tháng mở hội một lần, dây hội có 40 phần, hội giá 1.000.000 đồng, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 500.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HỘI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 25 tháng 11 năm 2018” giao cho hội viên đúng như lời nguyên đơn trình bày trước Tòa. Tuy nhiên khi bà T đóng được 20 lần thì con trai bà T là ông Trần Quốc T đã bỏ hốt hội 380.000 đồng vào ngày 25/6/2020 hốt với số tiền là 31.280.000 đồng. Bà M đã giao cho ông T đủ số tiền hội 31.280.000 đồng vào ngày 30/6/2020 tại nhà bà M khi giao tiền không có làm biên nhận cũng không có ký tên trong giấy hội chỉ có bà Huỳnh Thị H, ngụ ấp Ô, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng chứng kiến việc bà M giao tiền ông T, Khi hốt hội xong ông T đã đóng lại đến mãi vào ngày 25/02/2022. Lúc ông T đi bỏ hốt hội có bà Quách Thị Ngọc Đ, Nguyễn Thị C, Lâm Thị B và Phạm Thị Diệu H, cùng ngụ ấp T, xã H và bà Lương Thị B ở xã Đ đi khai hội chung. Nay bà Huỳnh Thị M không đồng ý theo yêu cầu của bà Trần Thị T.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 10/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hội là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2022 nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội với bị đơn là bà Huỳnh Thị M. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn Huỳnh Thị M hiện cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người làm chứng Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng ông N.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M hoàn trả số tiền hội là 20.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T và bị đơn bà M đều thống nhất xác định bà M làm chủ hội, bà Trần Thị T là hội viên có tham gia một phần hội mở ngày 25/11/2018 âm lịch, 01 tháng mở hội một lần, đây hội có 40 phần, hội giá 1.000.000 đồng, hội có lãi vào mỗi kỳ mở hội thì bà M hưởng hoa hồng số tiền là 500.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hội và các hội viên thì 05 ngày kể từ ngày mở hội sẽ giao tiền cho hội viên lĩnh hội, bà M có lập Tờ giấy hội “HUI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 25 tháng 11 năm 2018” giao cho hội viên và bà T đã đóng cho bà M được 20 lần hội. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hội giữa bà T và bà M là có thật. Phía bà T cho rằng

bà T đóng được 34 lần (từ ngày 25/11/2018 đến 25/8/2021) với số tiền 34.000.000 đồng thì bà M không cho bà T hốt hụi nên trừ đầu thảo 500.000 đồng thì bà M phải trả bà T 33.500.000 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà M không thừa nhận lần thứ 21 đến lần thứ 34 đã lại nhà bà T gom hụi của bà T nên bà T yêu cầu bà M phải trả cho bà T phần hụi đã đóng là 20.000.000 đồng.

Phía bà M cho rằng sau khi bà T đóng hốt hụi tới lần thứ 20 thì con trai bà T là ông Trần Quốc T đã bỏ hốt hụi 380.000 đồng vào ngày 25/6/2020 với số tiền là 31.280.000 đồng. Bà M đã giao cho ông T đủ số tiền hụi 31.280.000 đồng vào ngày 30/6/2020 tại nhà bà M khi giao tiền không có làm biên nhận cũng không có ký tên trong giấy hụi chỉ có bà Huỳnh Thị H, ngụ ấp Ô, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng chứng kiến việc bà M giao tiền ông T, Khi hốt hụi xong ông T đã đóng lại đến mãi vào ngày 25/02/2022 nên bà M không đồng ý với yêu cầu của bà T. Xét lời trình bày của bà T và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2022 của Tổ hòa giải ấp Đ (bút lục 13) và Tờ giấy hụi “HỤI 1.000.000Đ, MỘT THÁNG KHUI MỘT LẦN Khai ngày 25 tháng 11 năm 2018” cũng như tại biên bản Lấy lời khai, biên bản hòa giải thì bà M thừa nhận bà T đã đóng hụi cho bà được 20 lần hụi thì đến lần 21 thì con bà T là ông T đã đứng ra hốt hụi cho bà T và đóng lại hụi chết đến mãi hụi; Tại các biên bản lấy lời khai những người làm chứng bà Trần Phương L (bút lục 41), ông Nguyễn Văn D (bút lục 45), ông Trần Văn N (bút lục 46) đều cho rằng bà T có tham gia hợp đồng góp hụi với bà M và khi bà T lại nhà bà M bỏ hụi hốt thì bà M không cho vì nói ông T hốt rồi. Tại các biên bản lấy lời khai của bà Quách Thị Ngọc Đ (bút lục 42), bà Huỳnh Tuyết H (bút lục số 45) thì họ trình bày thấy ông T hốt hụi và bà M có giao tiền cho ông T tại nhà nhưng không biết tiền gì khi ông T về thì bà M nói với bà H là tiền nạp hụi cho ông T. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng và tại phiên tòa ông Trần Quốc T trình bày: Ông T biết việc mẹ ông là bà T có chơi hụi của bà M nhưng việc đó là của bà T và bà M ông không biết đến và ông cũng không có hốt hụi của bà M dùm cho bà T. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M thừa nhận là đã cho ông T hốt hụi của bà T và bà M đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là ông T đã hốt hụi dùm bà T có sự đồng ý của bà T.

Ngoài ra, trong dây hụi này bà T là hụi viên, bà M là chủ hụi nên bà T có nghĩa vụ đóng hụi và có quyền hốt hụi còn bà M có nghĩa vụ góp hụi giao cho người hốt hụi và hưởng hoa hồng nên việc bà M không cho bà T hốt hụi là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên được quy định tại Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bà M còn nợ bà T số tiền hụi mà bà T đã đóng cho bà M. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu bà M hoàn trả số tiền là 20.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và bà T yêu cầu bà M hoàn trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M thì tại thời điểm hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng

không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7; Điều 8; Điều 20; Điều 25 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà M phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Đối với khoản tiền bà M cho rằng bà đã giao cho ông T vì đã hốt hụi thay cho bà T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M không yêu cầu ông T phải trả cho bà M nên sẽ được xem xét bằng một vụ án khác nếu sau này bà M có yêu cầu.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 20, Điều 25, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền hụi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị M phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh